

Số: 51/TB-THQT

Đông Triều, ngày 18 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi ngân sách và tình hình thực hiện thu - chi dịch vụ, thu khác quý IV năm 2023 của TH Quyết Thắng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 298/QĐ-PGD&ĐT ngày 27/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023";

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

Nhà trường thông báo công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách và thực hiện thu – chi dịch vụ, thu khác quý IV năm 2023 của TH Quyết Thắng(Đính kèm biểu số 3).

Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 18/02/2024)

* Địa điểm công khai:

- + Bảng thông báo của Nhà trường.
- + Bảng thông báo tại Hội đồng giáo dục Nhà Trường.
- + Thông báo tại các cuộc họp của CBGV-NV.
- + Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường thquyetthang@dongtrieu.edu.vn.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu

Số: 19/QĐ-THQT

Đông Triều, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi ngân sách và tình hình thực hiện thu - chi dịch vụ, thu khác quý IV năm 2023 của Trường TH Quyết Thắng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH QUYẾT THẮNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 298/QĐ-PGD&ĐT ngày 27/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023";

Xét đề nghị của tổ Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách và và thực hiện thu – chi dịch vụ, thu khác quý IV năm 2024 của trường TH Quyết Thắng (đính kèm biểu số 3).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH VÀ DỊCH VỤ
QUÝ IV NĂM 2023

(Kèm theo thông báo số: 51/QĐ - THQT ngày 18/01/2024 của trường TH Quyết Thắng)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 298/QĐ-PGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023";

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-PGDĐT ngày 22/6/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn KPKTC) năm 2023

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-PGDĐT ngày 03/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách thị xã năm 2023

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-PGDĐT ngày 03/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-PGDĐT ngày 19/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-PGDĐT ngày 14/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-PGDĐT ngày 24/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023

Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-PGDĐT ngày 08/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-PGDĐT ngày 16/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-PGDĐT ngày 22/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023

Trường TH Quyết Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi quý IV năm 2023 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý IV	Thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang (*)	0	0	-	0,0
I	Tổng số thu	5.653.887.324	5.653.887.324	100,00	48,24
1	Tiền ăn	2.380.600.000	2.380.600.000	0	63,791
2	Tiền cấp dưỡng	347.770.909	347.770.909	0	67,352
3	Tiền QLHS trong giờ bán trú	886.656.386	886.656.386	0	10,087
4	Tiền Tiếng Anh NNN	721.920.000	721.920.000	0	19,872
5	Tiền điện sử dụng điều hòa lớp học	13.721.756	13.721.756	0	109,843
6	Tiền tin học	175.329.000	175.329.000	0	25,389
8	Tiền tiếng anh lớp 1,2	79.078.500	79.078.500	0	0,000
9	Tiền kỹ năng sống	471.542.000	471.542.000	0	36,615
10	Tiền nước uống	57.024.000	57.024.000	0	87,963
11	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	41.080.228	41.080.228	0	81,307
12	Tiền BHYT học sinh	459.756.000	459.756.000	0	89,742
13	Tiền hoàn trả BHYT HS	328.545	328.545	0	28,571
14	Tiền khen thưởng	19.080.000	19.080.000	0	69,602
II	Chi từ nguồn thu được để lại	5.603.502.936	5.603.502.936	100	0,000
1	Tiền ăn	2.380.600.000	2.380.600.000	0	63,791
2	Tiền cấp dưỡng	347.770.909	347.770.909	0	67,352
3	Tiền QLHS trong giờ bán trú	868.923.258	868.923.258	0	10,292
4	Tiền Tiếng Anh NNN	707.481.600	707.481.600	0	20,278
5	Tiền điện sử dụng điều hòa lớp học	13.721.756	13.721.756	0	109,843
6	Tiền tin học	171.822.420	171.822.420	0	25,907
7	Tiền tiếng anh lớp 1,2	77.496.930	77.496.930	0	0,000
8	Tiền kỹ năng sống	462.111.160	462.111.160	0	37,362
9	Tiền nước uống	57.024.000	57.024.000	0	87,963
10	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	41.080.228	41.080.228	0	81,307

12	Tiền BHYT học sinh	459.756.000	459.756.000	0	89,742
13	Tiền hoàn trả BHYT HS	234.675	234.675	0	40,000
14	Tiền khen thưởng	15.480.000	15.480.000	0	85,788
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	0,000
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	46.690.518	46.690.518	-	49,397
IV	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm	-	3.693.870	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.549.858.145	6.958.791.845	92,171	124,62
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.437.130.000	6.437.130.000	100,00	115,28
a	Chi thanh toán cá nhân	5.246.821.567	5.246.821.567	100,00	117,35
	Mục 6000: Tiền lương	2.694.718.674	2.694.718.674	100,00	113,89
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	0		-	-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.488.942.346	1.488.942.346	100,00	121,69
	Mục 6150: Học bổng và HT khác cho HS, SV cán bộ đi học	590.000	590.000		7,87
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.520.000	20.520.000	100,00	120,00
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	6.580.000	6.580.000	100,00	39,01
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	756.977.047	756.977.047	100,00	115,65
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	278.493.500	278.493.500		150,16
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.040.668.633	1.040.668.633	100,00	108,09
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	70.907.967	70.907.967	100,00	90,96
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	152.237.104	152.237.104	100,00	278,52
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	23.672.000	23.672.000	100,00	117,98
	Mục 6650: Hội nghị	4.525.000	4.525.000	100,00	
	Mục 6700: Công tác phí	17.820.000	17.820.000	100,00	81,82
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	72.833.191	72.833.191	100,00	63,02
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	165.762.000	165.762.000	100,00	102,33
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	91.095.000	91.095.000	100,00	88,06
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	441.816.371	441.816.371		116,31
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	0	-	

	Tiểu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	0	-	0,00
c	Các khoản chi khác	149.639.800	149.639.800	100,00	99,66
	Mục 7750: Chi khác	149.639.800	149.639.800	100,00	99,66
2	Chi không thường xuyên	1.112.728.145	521.661.845	46,88	168,86
a	Chi thanh toán cá nhân	155.899.200	155.899.200	100,00	277,92
	Mục 6112: Phụ cấp ưu đãi nghề	140.749.200	140.749.200	100,00	295,10
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách CPHT	15.150.000	15.150.000	100,00	180,36
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	946.365.640	355.299.340	37,54	141,76
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	8.602.000	8.602.000	100,00	10,27
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	51.292.000	51.292.000	100,00	0,00
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	180.000.000	179.999.700	100,00	124,67
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	706.471.640	115.405.640	16,34	512,91
c	Các khoản chi khác	10.463.305	10.463.305	100,00	475,60
	Mục 7750: Chi khác	10.463.305	10.463.305	100,00	475,60
					-

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu